

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /PA-PCTA

Dĩ An, ngày 21 tháng 1 năm 2026

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ
(HIỆU CHỈNH)

DỰ ÁN : CẢI TẠO VÀ NÂNG CẤP VTTB TRẠM BIẾN THÉ
CHỐNG QUÁ TẢI NĂM 2026

KẾ HOẠCH : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 2026

ĐỊA CHỈ XÂY DỰNG : PHƯỜNG LÁI THIÊU, THUẬN GIAO, THUẬN AN,
ĐÔNG HÒA, TÂN ĐÔNG HIỆP, DĨ AN

NGƯỜI LẬP : LÊ HỮU TÀI 

NGƯỜI KIỂM TRA : LẠI VĂN HOÀNG 



Đặng Hoài Bắc

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

Dự án: Cải tạo và nâng cấp VTTB trạm biến thế chống quá tải năm 2026

1. Các căn cứ lập phương án:

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí ĐTXD;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

Quyết định số 2796/QĐ-EVNHCMC ngày 02/7/2024 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc cập nhật suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi áp dụng chung trong nội bộ Tổng công ty;

Công văn số 3791/EVNHCMC-KT ngày 14/10/2024 của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng bộ thiết trí lưới điện phân phối;

Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 72/QĐ-HĐTV ngày 31/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 2571/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy trình xây dựng định mức – đơn giá áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 2572/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp 35kV trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục đích đầu tư :

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện thấp sáng sinh hoạt cho nhân dân, đồng thời phục vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phường Lái Thiêu, Thuận Giao, Thuận An, Đông Hòa, Tân Đông Hiệp, Dĩ An trong giai đoạn tới.
- Giải quyết quá tải các lộ ra hiện hữu tại các khu vực dân cư đang phát triển, đang đô thị hóa.
- Đảm bảo điện áp cấp điện cho các khu vực xa trạm biến thế, nâng cao chất lượng cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng.
- Hiện đại hóa lưới điện khu vực đảm bảo an toàn trong vận hành cũng như sử dụng điện, nâng cao độ tin cậy trong cung cấp điện, cải thiện chất lượng điện năng, đảm bảo tổn thất điện năng trong quy định.
- Không để xảy ra sự cố máy biến thế do chủ quan, nhất là do quá tải trạm nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu sự cố máy biến thế do Công Ty giao cũng như giảm tối đa chi phí đại tu sửa chữa máy biến thế sự cố.
- Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tổn thất lưới phân phối hạ thế do Công Ty giao.
- Tránh quá tải cục bộ của các trạm biến thế trong khu vực nhằm giảm tối đa thời gian ngưng cung cấp điện.
- Cân đối phụ tải giữa các khu vực quá tải, non tải, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục và chất lượng điện năng.
- Đảm bảo trạm và lưới hạ thế công cộng đáp ứng được phụ tải gia tăng trong giai đoạn 2025 - 2030.

3. Hiện trạng lưới điện:

- Khu vực phường Lái Thiêu, Thuận Giao, Thuận An, Đông Hòa, Tân Đông Hiệp, Dĩ An có nhiều trạm công cộng đang bị đầy/quá tải do nhu cầu sử dụng điện tăng cao, đặc biệt trong mùa nắng nóng.
- Số lượng khách hàng sử dụng điện nhiều, nhu cầu phát triển phụ tải gia tăng nguy cơ các trạm biến thế trong tương lai sẽ quá tải, sự cố máy biến thế ảnh hưởng cấp điện liên tục khách hàng.
- Danh sách trạm biến áp có hệ số mang tải cao cần được xử lý đầy tải, giảm số lượng khách hàng sử dụng điện như sau:

Stt	ID Trạm	Tên TBA hiện hữu	Công suất (KVA)	Năm SX	Phường	Số Khách hàng	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	Hiện trạng
1	040300192	Cây Liễu	400	2007	Lái Thiêu	227	549	95	Trạm đầy tải
2	040302861	Lê Văn Khanh 2	400	2007	Thuận An	202	555	96	Trạm đầy tải
3	040200105	TT Tư Mồi	400	2019	Đông Hòa	242	566	98	Trạm đầy tải
4	040200223	Cây Lớn 3	400	2017	Đông Hòa	269	538	93	Trạm đầy tải
5	040201614	Xóm Nhang	400	2012	Dĩ An	289	543	94	Trạm đầy tải
6	040303101	Bình Phước 2	320	2011	Thuận Giao	100	402	87	Trạm đầy tải
7	040303345	Chợ Nhỏ Bình Hòa	320	2012	Lái Thiêu	109	444	96	Trạm đầy tải
8	040301278	KDC TM Bình Chuẩn	320	2010	An Phú	209	420	91	Trạm đầy tải
9	040201495	Trung Bửu Tự	320	2012	Đông Hòa	269	439	95	Trạm đầy tải
10	040202241	Bình Đường 3C	320	2007	Dĩ An	131	448	97	Trạm đầy tải
11	040200104	Đình Đông Yên 2	320	2011	Đông Hòa	183	430	93	Trạm đầy tải
12	040202610	Cây Gõ 4	320	2010	Tân Đông Hiệp	138	430	93	Trạm đầy tải
13	040300111	Bình Chuẩn 1A	320	2010	Thuận Giao	194	425	92	Trạm đầy tải
14	040302977	Cầu Xe Lửa 3	320	2015	Lái Thiêu	304	416	90	Trạm đầy tải
15	040300251	Chợ Hưng Định	320	2020	Thuận An	289	416	90	Trạm đầy tải
16	040201240	Ngã 3 Cây Thị	250	2004	An Phú	152	341	94	Trạm đầy tải
17	040201780	Miếu Cây Da	250	2017	Đông Hòa	230	344	95	Trạm đầy tải
18	040201361	Siu Siu	250	2009	Dĩ An	170	348	96	Trạm đầy tải
19	040300112	Bình Chuẩn 1B	160	2000	An Phú	90	225	97	Trạm đầy tải
20	040303815	Cây Me Sân Golf 2	160	2000	Tân Đông Hiệp	99	227	98	Trạm đầy tải
21	040303239	KDC Thuận Giao 16	160	2005	Thuận Giao	111	230	99	Trạm đầy tải

Stt	ID Trạm	Tên TBA hiện hữu	Công suất (KVA)	Năm SX	Phường	Số Khách hàng	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	Hiện trạng
22	040200189	Bình Đường 5B	160	2000	Dĩ An	124	223	96	Trạm đầy tải
23	040201670	Nhà Thờ Nội Hóa	160	2016	Thuận An	103	218	94	Trạm đầy tải
24	040202565	Cầu Sáu Trụ 2	160	2016	An Phú	99	227	98	Trạm đầy tải
25	040300092	Bê Tông Thuận An	160	2000	Bình Hòa	98	216	93	Trạm đầy tải
26	040300188	Cầu Tân Phú 2	160	2009	Dĩ An	101	220	95	Trạm đầy tải
27	040303355	Chợ Búng 3	160	2019	Đông Hòa	89	218	94	Trạm đầy tải

4. Đặc điểm chính của công trình:

Công trình: “Cải tạo và nâng cấp VTTB trạm biến thế chống quá tải năm 2026” sẽ thực hiện:

- Cải tạo, tăng cường công suất các trạm biến thế, phát triển thêm các khu vực lưới điện hạ thế để thay thế, chia tải cho các trạm công cộng hiện hữu.
- Thu hồi các máy 160kVA, 250kVA, 320kVA, 400kVA hiện hữu và đánh giá sử dụng lại hoặc thanh lý TSCĐ.

Phụ tải TBT công cộng sau khi hoàn tất công trình:

Stt	ID Trạm	Tên TBA	Hiện hữu			Sau TCCS			Ghi chú
			Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	
1	040300192	Cây Liễu	400	549	95	560	549	68	
2	040302861	Lê Văn Khanh 2	400	555	96	560	555	68	
3	040200105	TT Tư Mồi	400	566	98	560	566	70	
4	040200223	Cây Lơn 3	400	538	93	560	538	66	
5	040201614	Xóm Nhang	400	543	94	560	543	67	
6	040303101	Bình Phước 2	320	402	87	400	402	69	
7	040303345	Chợ Nhỏ Bình Hòa	320	444	96	400	444	77	
8	040301278	KDC TM Bình Chuẩn	320	420	91	400	420	72	
9	040201495	Trung Bưu Tự	320	439	95	400	439	76	
10	040202241	Bình Đường 3C	320	448	97	400	448	77	
11	040200104	Đình Đông Yên 2	320	430	93	400	430	74	
12	040202610	Cây Gõ 4	320	430	93	400	430	74	
13	040300111	Bình Chuẩn 1A	320	425	92	400	425	73	
14	040302977	Cầu Xe Lửa 3	320	416	90	400	416	72	
15	040300251	Chợ Hưng Định	320	416	90	400	416	72	
16	040201240	Ngã 3 Cây Thị	250	341	94	400	341	59	SDL máy 400kVA
17	040201780	Miếu Cây Da	250	344	95	400	344	59	SDL máy 400kVA
18	040201361	Siu Siu	250	348	96	320	348	75	SDL máy 320kVA
19	040300112	Bình Chuẩn 1B	160	225	97	320	225	49	SDL máy 320kVA

Stt	ID Trạm	Tên TBA	Hiện hữu			Sau TCCS			Ghi chú
			Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	
20	040303815	Cây Me Sân Golf 2	160	227	98	320	227	49	SDL máy 320kVA
21	040303239	KDC Thuận Giao 16	160	230	99	320	230	50	SDL máy 320kVA
22	040200189	Bình Đường 5B	160	223	96	320	223	48	SDL máy 320kVA
23	040201670	Nhà Thờ Nội Hóa	160	218	94	320	218	47	SDL máy 320kVA
24	040202565	Cầu Sáu Trụ 2	160	227	98	320	227	49	SDL máy 320kVA
25	040300092	Bê Tông Thuận An	160	216	93	320	216	47	SDL máy 320kVA
26	040300188	Cầu Tân Phú 2	160	220	95	320	220	48	SDL máy 320kVA
27	040303355	Chợ Búng 3	160	218	94	320	218	47	SDL máy 320kVA

5. Qui mô và đặc điểm dự án:

5.1 Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

- Tăng công suất các trạm biến thế, phát triển thêm các khu vực lưới điện hạ thế để thay thế, chia tải cho các trạm công cộng hiện hữu.

- Đối với các trạm hiện hữu là trạm giàn, sử dụng lại kết cấu trạm giàn theo thiết trí lưới điện ban hành theo văn bản 3791/EVNHCMC-KT ngày 14/10/2024 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM, đảm bảo mỹ quan, an toàn đối với cộng đồng.

- Đối với các máy biến thế thu hồi, đề xuất như sau:

+ Các máy sản xuất trước từ năm 2007 về trước, thực hiện trả kho TCT, thanh lý TSCĐ: 09 máy

+ Các máy công suất 320kVA, 400kVA sản xuất từ năm 2008 về sau, thực hiện sử dụng lại để xử lý chống quá tải cho các trạm 160kVA, 250kVA đang vận hành đầy tải bằng nguồn vốn SCTX: 12 trạm *theo phụ lục 3 đính kèm*.

+ Các máy công suất 160kVA, 250kVA sản xuất từ năm 2008 về sau, thực hiện sử dụng lại để dự phòng XLSC tại kho PCTA: 06 máy.

5.2 Quy mô, khối lượng đầu tư

Công trình: “Cải tạo và nâng cấp VTTB trạm biến thế chống quá tải năm 2026” sẽ thực hiện các công việc chính như sau:

- TCS TBT 400kVA lên 560kVA : 05 trạm
- TCS TBT 320kVA lên 400kVA : 10 trạm

5.3. Khái toán tổng mức đầu tư (sau thuế):

Tổng vốn đầu tư : 9.937.817.137 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 1.562.939.215 đồng.

- Chi phí thiết bị : 6.283.396.800 đồng.
- Chi phí khác : 1.188.043.200 đồng.
- Chi phí dự phòng : 903.437.922 đồng.

6. Hiệu quả đầu tư:

6.1 Về mặt kinh tế xã hội: Dự án đầu tư cho phát triển lưới điện Thành phố, phục vụ và hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế khu vực, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, nâng cao hiệu quả năng suất lao động, góp phần đảm bảo an ninh chính trị trong khu vực điện lực quản lý.

6.2 Về mặt kỹ thuật:

- Hoàn thiện lưới điện đảm bảo vận hành an toàn, mỹ quan và tin cậy.
- Nâng cao độ tin cậy, tính linh hoạt của lưới điện.
- Giảm tổn thất trên lưới điện hoàn thành chỉ tiêu tổn thất giao.
- Giảm sự cố máy biến thế do vận hành đầy và quá tải; hoàn thành chỉ tiêu sự cố giao.
- Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và vận hành kinh tế hệ thống.

6.3 Phân tích tài chính: Đạt hiệu quả tài chính với các thông số phân tích được tổng hợp theo bảng dưới đây:

	Phân tích tài chính			
	IRR (%)	B/C	NPV (triệu đồng)	Thời gian hoàn vốn
Kết quả	22,05	1,07	8.065,36	7 năm 11 tháng

Đính kèm bảng phân tích hiệu quả tài chính, kinh tế

7. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

7.1 Địa điểm thực hiện dự án:

STT	Tên TBT	Công suất (kVA)	Kết cấu	Vị trí dự kiến thực hiện
1	Cây Liễu	560	Trạm giàn	Đường Cách Mạng Tháng 8
2	Lê Văn Khanh 2	560	Trạm giàn	Đường Thuận Giao 29
3	TT Tư Mồi	560	Trụ ghép	Đường Hai Bà Trưng
4	Cây Lon 3	560	Trạm giàn	Đường Trần Hưng Đạo
5	Xóm Nhang	560	Trụ Ghép	Đường Nguyễn Tri Phương
6	Bình Phước 2	400	Trạm trụ ghép	Đường Thủ Khoa Huân
7	Chợ Nhỏ Bình Hòa	400	Trạm trụ ghép	Đường chợ nhỏ Bình hòa
8	KDC TM Bình Chuẩn	400	Trạm giàn	Đường nội bộ KDC TM Bình Chuẩn
9	Trung Bửu Tự	400	Trạm giàn	Đường Trương Tre
10	Bình Đường 3C	400	Trạm ghép	Đường Nguyễn Tri Phương
11	Đình Đông Yên 2	400	Trụ ghép	Đường Nguyễn Hữu Cảnh

STT	Tên TBT	Công suất (kVA)	Kết cấu	Vị trí dự kiến thực hiện
12	Cây Gõ 4	400	Trụ ghép	Đường Liên Huyện
13	Bình Chuẩn 1A	400	Trạm giàn	Đường DT743
14	Cầu Xe Lửa 3	400	Trụ ghép	Đường Nguyễn Chí Thanh
15	Chợ Hưng Định	400	Trụ ghép	Đường Chòm Sao

7.2 Quy mô dự án:

- TCS TBT 400kVA lên 560kVA : 05 trạm
- TCS TBT 320kVA lên 400kVA : 10 trạm

7.3 Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nguồn cung cấp vật tư thiết bị:

Trong quá trình thực hiện công trình, nếu nhà thầu có nguồn cung cấp vật liệu khác thì hoàn toàn có thể được chấp nhận. Chất lượng vật liệu thi công phải đảm bảo theo các qui định hiện hành của Việt Nam.

Cung ứng vật tư thiết bị được quy định chi tiết trong hồ sơ mời thầu, tuy theo chủng loại vật tư thiết bị do A cấp hoặc B cấp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nêu trong hồ sơ thiết kế và qui định của Tổng Công ty Điện lực Tp Hồ Chí Minh

Vận chuyển vật tư thiết bị sử dụng xe chuyên dụng (cẩu tải để chuyên chở)

Tập kết vật tư thiết bị phải đảm bảo nguồn vật tư không thiếu trong ngày thi công, các vật tư thiết bị được kiểm tra chủng loại, đặc tính kỹ thuật đúng như trong hồ sơ mời thầu yêu cầu trước khi đưa vào lắp đặt sử dụng.

- Nguồn cung cấp điện, nước cho thi công:

Nguồn điện thi công và sinh hoạt lấy ở máy phát 5kVA tự trang bị.

Nguồn nước thi công và sinh hoạt chủ yếu phải mua từ nguồn nước thủy cục của thành phố ở nơi đóng quân.

7.4 Các tác động xấu đến môi trường:

a) Bụi:

* Trong giai đoạn thi công:

* Trong quá trình xây dựng, các hoạt động thi công sẽ làm phát sinh bụi:

(i) Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thi công đào đắp, san lấp phục vụ xây dựng các hạng mục của dự án.

(ii) Phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và thiết bị: vận chuyển bốc dỡ vật liệu xây dựng (xi măng, cát, đá dăm, đất....), quá trình bốc dỡ và vận chuyển thiết bị.

Nồng độ bụi phụ thuộc quy mô, mức độ của các hoạt động phát sinh bụi, điều kiện tiểu khí hậu (tốc độ gió, hướng gió, độ ổn định khí quyển...), tính chất vật lý của đất (cấu trúc hạt, độ ẩm trung bình của vật liệu). Lượng xe được sử dụng để vận chuyển thiết bị và vật liệu cho dự án là rất ít, chỉ khoảng 07 xe; các xe hoạt động không tập trung tại một vị trí và quá trình vận chuyển bằng cơ giới không nhiều, nên tải lượng bụi từ giao thông xem như không đáng kể.

Khí thải

❖ Trong giai đoạn thi công:

Khí thải phát sinh từ các động cơ của các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị cơ giới trong quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là các khí: NO_x, SO₂, CO, O₃ và VOC... với hệ số ô nhiễm và tải lượng ô nhiễm có thể dự báo như sau:

Bảng 2.3 Lượng khí thải phát sinh do hoạt động thi công

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Tổng quãng đường di chuyển trong ngày (km)	Số lượng xe	Tổng tải lượng (kg/ngày)	Tổng tải lượng (mg/s)
	Bụi	0,9	6	2	0,011	0,125
1	CO	6	6	2	0,072	0,833
2	NO _x	11,3	6	2	0,136	1,569
3	SO ₂	4,29S	6	2	0,051	0,030
4	VOC	2,6	6	2	0,031	0,361

Nguồn: Rapid inventory technique in environmental control, WHO 1993

Ghi chú: S là phần trăm hàm lượng sunfua trong nhiên liệu dầu: S = 0,2% - 0,5%

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh khí thải

Nước thải

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt:

*** Trong giai đoạn xây dựng:**

Theo TCXD 33-2006 của Bộ Xây Dựng, lượng nước sử dụng cho sinh hoạt của một công nhân xây dựng trung bình là 150 lít/người/ngày. Với số lượng

công nhân thi công lúc cao điểm là 20 người, tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt trung bình khoảng $3,0\text{m}^3/\text{ngày}$.

Lượng nước thải ra môi trường bằng khoảng 100% lượng nước sử dụng: trung bình khoảng $150\text{lít}/\text{người}/\text{ngày}$. Kết quả tính toán sơ bộ lượng nước thải sinh hoạt là $3,0\text{m}^3/\text{ngày}$ trên toàn tuyến.

Do đặc tính của dự án là xây dựng các trạm biến thế, lắp máy biến áp tại vị trí trụ xây dựng mới, treo trên trụ hiện hữu, công nhân thi công tập trung không nhiều nên sẽ không xây dựng lán trại, công nhân chỉ lưu trú tạm thời trong thời gian làm việc tại địa điểm thi công. Lượng nước thải tại mỗi vị trí không đáng kể nên có thể sử dụng chung với công trình vệ sinh công cộng tại điểm thi công, lượng nước thải ra này sẽ được thu xuống hầm phân tự hoại của hệ thống vệ sinh công cộng của thành phố.

- Nước thải xây dựng:

Phát sinh trong quá trình xây dựng hồ móng gồm: hồ móng và nước xả thừa trong quá trình trộn bê tông, nước xả bảo dưỡng bê tông hồ móng. Do khối lượng thi công đào móng là ít (mỗi vị trí trạm chỉ có khoảng 2-3 móng trụ) nên lượng nước thải này ít, không chứa các thành phần gây tác động xấu tới môi trường nước và không gây tác động xấu tới môi trường.

Trong quá trình đào móng trụ điện, đất đá có thể bị xói mòn vào dòng chảy gần vị trí thi công gây tăng độ đục trong nước. Tuy nhiên trong khu vực dự án không có kênh rạch, sông ngòi và biện pháp thi công không sử dụng đến các chất nguy hại làm ảnh hưởng đến môi trường nước. Vì vậy tác động này là không đáng kể.

Dầu mỡ thải và nước rửa xe máy thi công:

Dự án dự kiến có khoảng 02 máy, thiết bị và ô tô chạy dầu phục vụ thi công. Dầu mỡ thải, nước từ hoạt động sửa chữa bảo và rửa xe mát thi công là rất ít. Nên tác động này của dự án là không đáng kể.

- Nước mưa chảy tràn trong quá trình xây dựng

Trong quá trình thi công hồ móng, tại từng vị trí thi công hồ móng, đào đắp hồ móng, đất đá có thể bị rửa trôi, xói mòn theo dòng chảy do nước mưa vào các nguồn nước mặt gần vị trí thi công làm tăng độ đục của nước. Tuy nhiên, thời gian thi công tại 01 vị trí trạm biến thế là rất ngắn (khoảng 04 ngày), thi công chủ yếu vào mùa khô. Mặc khác, khu vực dự án không có kênh rạch, sông ngòi. Do đó, tác động này được đánh giá là không đáng kể.

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải nguy hại

Trong giai đoạn vận hành dự án không sử dụng nước nên không phát sinh nước thải.

Chất thải rắn

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt

Đối với dự án này, lượng chất thải phát sinh của đơn vị thi công không nhiều. Thành phần chủ yếu gồm :

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ rau quả, thức ăn dư thừa...
- Các loại bao bì, gói đựng thức ăn, thức uống...
- Các kim loại như vỏ đồ hộp...

Lượng rác thải sinh hoạt theo định mức 1 người thải ra 0,3kg/ngày, lượng công nhân thi công trong công trình tùy thời điểm, thời điểm cao điểm nhất khoảng 20 người (khoảng 1 tháng), lượng rác thải phát sinh là:

$$20 \text{ người} \times 0,3 \text{ kg} \times 105 \text{ ngày} = 630 \text{ kg rác thải.}$$

+ Chất thải rắn xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng bao gồm nguyên vật liệu phế thải rơi vãi (gạch, đá, xi măng, sắt thép, dây dẫn điện,...) khối lượng rất ít và rải rác. Nhìn chung hầu hết các chất thải xây dựng đều có thể kiểm soát, thu gom được để tái sử dụng hoặc bán phế liệu nên tác động của chất thải xây dựng là không đáng kể.

Chất thải rắn xây dựng trong quá trình đào đắp khi thi công hồ móng trụ điện: theo tính toán thì lượng đất đào dư là thấp. Nhìn chung hầu hết các chất thải xây dựng đều có thể kiểm soát, thu gom và xử lý theo đúng qui định của địa phương do khối lượng đào đắp đất là rất ít. Do đó tác động này được đánh giá là không đáng kể.

+ Chất thải nguy hại:

Trong quá trình thi công xây dựng có thể phát sinh một lượng rò rỉ dầu nhớt, dầu mỡ do các máy móc thiết bị gây ra, giặt lau dính dầu nhớt. Tuy nhiên, lượng chất thải này là rất ít, không đáng kể, khoảng 1kg/tháng.

❖ Trong giai đoạn vận hành: Không phát sinh chất thải rắn

Các tác động khác

❖ Trong giai đoạn thi công:

+ *Ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, các khu di tích văn hóa lịch sử, đền chùa*

Trong giai đoạn này chủ yếu là hoạt động khảo sát, lựa chọn phương án

tuyến cáp. Dự án chủ yếu đi các đường và hẻm hiện hữu không qua các khu di tích, đền chùa, cho nên không ảnh hưởng. Hướng tuyến đã được xem xét để tránh những ảnh hưởng đối với cảnh quan khu vực nên có thể đánh giá ảnh hưởng công trình đến hệ sinh thái là không có.

+ Ảnh hưởng đến tầm nhìn

Trong quá trình thi công, nguồn gây hạn chế tầm nhìn là các hoạt động vận chuyển vật tư thiết bị. Các xe tải, xe cẩu có thể gây hạn chế tầm nhìn nhưng chỉ trong thời gian ngắn nên vấn đề này đánh giá là tạm thời không đáng kể.

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe do tác động của điện từ trường

Do đặc tính của dự án là đường dây hạ thế nên ảnh hưởng đến sức khỏe do tác động của điện từ trường là không có.

+ Cơ sở hạ tầng

- Giao thông vận tải:

Đường vận chuyển thi công: Vận chuyển vật tư thiết bị từ nguồn cung cấp theo kế hoạch của Công ty Điện lực Thuận An đến các kho bãi đã được chuẩn bị sẵn tại vị trí thi công.

Đường tạm thi công: Trong quá trình vận chuyển vật tư thiết bị đoạn từ Công ty Điện lực Thuận An đến công trường nằm hoàn toàn dọc các tuyến đường hiện hữu nên không sử dụng đường tạm thời.

Trong thời gian thi công, một số lượng xe được sử dụng cho vận chuyển thiết bị và vật liệu xây dựng sẽ di chuyển cùng với lưu lượng xe cộ lưu thông trên tuyến đường nên ảnh hưởng là không nhiều.

- Cơ sở hạ tầng khác:

Các hạng mục xây dựng chính trong dự án là xây dựng móng trụ và móng máy biến áp, lắp đặt thiết bị trên các vị trí trạm biến thế hiện hữu, không phát sinh diện tích xây dựng nên không ảnh hưởng tới các công trình khác như; Công thoát nước, ống cấp nước, tuyến dây thông tin và đường điện dây trung hạ thế...

- Ảnh hưởng trong hành lang tuyến

Xác định hành lang tuyến: theo nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính Phủ ban hành về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của luật Điện lực về bảo vệ công trình lưới điện cao áp.

Ảnh hưởng đến nhà cửa trong hành lang tuyến: Dự án không ảnh hưởng nhà dân

+ Sự cố cháy nổ:

Trong quá trình thi công có thể xảy ra hiện tượng cháy nổ do một số thiết bị thi công có sử dụng điện, như máy hàn, máy cắt thép.... Tuy nhiên, số lượng thiết bị này là không nhiều nên tác động này là không đáng kể.

Tại công trường cần trang bị thiết bị PCCC tại chỗ để hạn chế tối thiểu thiệt hại do sự cố cháy nổ có thể xảy ra.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ thì phải cúp cầu dao để cô lập khu vực cháy nổ và dùng thiết bị PCCC tại công trường để xử lý sự cố cháy nổ và báo với cán bộ giám sát A và các cơ quan chuyên ngành để phối hợp xử lý sự cố.

❖ Trong giai đoạn vận hành:

Khi đưa vào vận hành thì dự án không gây ô nhiễm không khí, nước, đất,... Các hoạt động vận hành chủ yếu là duy tu, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa khi có sự cố, không làm thay đổi tính chất của môi trường đất, nước và không khí,...

7.5 Cam kết môi trường:

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

8. Nguồn vốn thực hiện: ĐTXD 2026.

9. Đề xuất tiến độ thực hiện của dự án:

- | | |
|--------------------------------|---------------|
| - Thực hiện chuẩn bị đầu tư | : Quý 1/2026. |
| - Thời gian đăng ký khởi công | : Quý 2/2026. |
| - Thời gian dự kiến hoàn thành | : Quý 2/2026. |

Từ phân tích hiện trạng lưới điện hiện hữu, Công ty Điện lực Thuận An nhận thấy việc thực hiện phương án trên là rất cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp điện ổn định liên tục trên địa bàn, đảm bảo ổn định an ninh chính trị và tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

Kính trình Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh xét duyệt phương án đầu tư để triển khai các thủ tục tiếp theo.

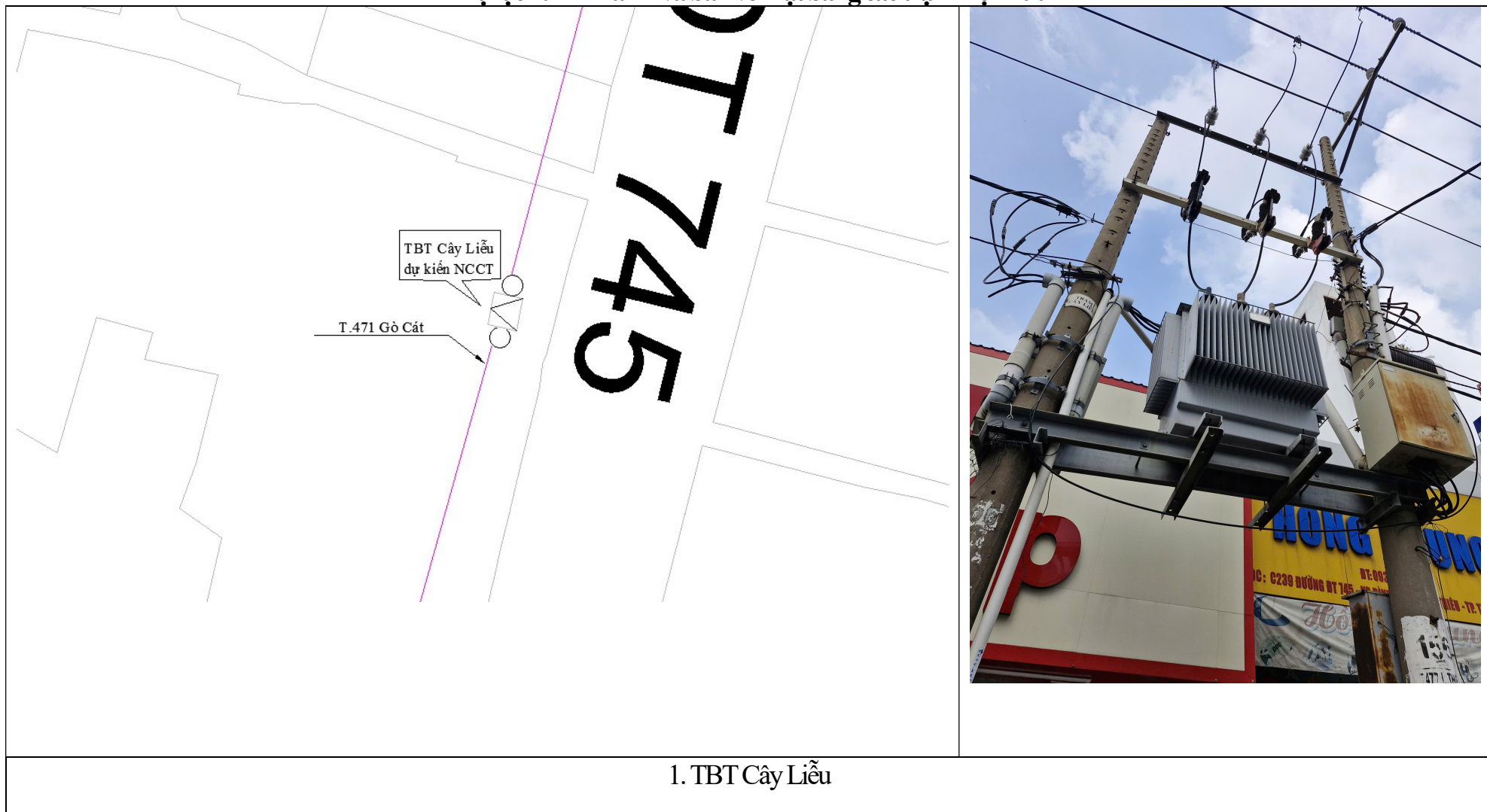
Đính kèm:

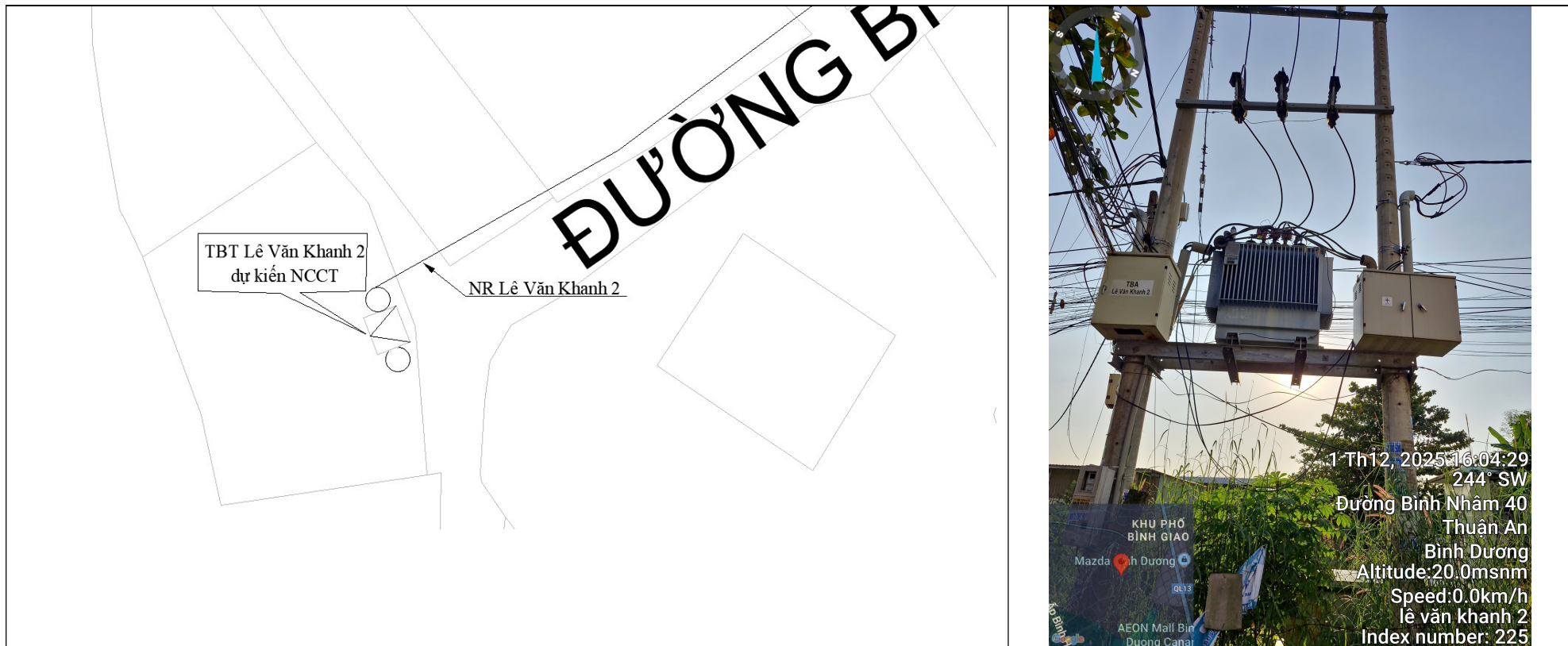
- Phụ lục 1: Tổng hợp khái toán công trình
- Phụ lục 2: Phân tích kinh tế , tài chính
- Phụ lục 3: Danh sách XDM, TBT TCCS
- Phụ lục 4: Hình ảnh và bản vẽ mặt bằng các trạm hiện hữu

Phụ lục 3: Danh sách trạm XDM, TBT TCCS

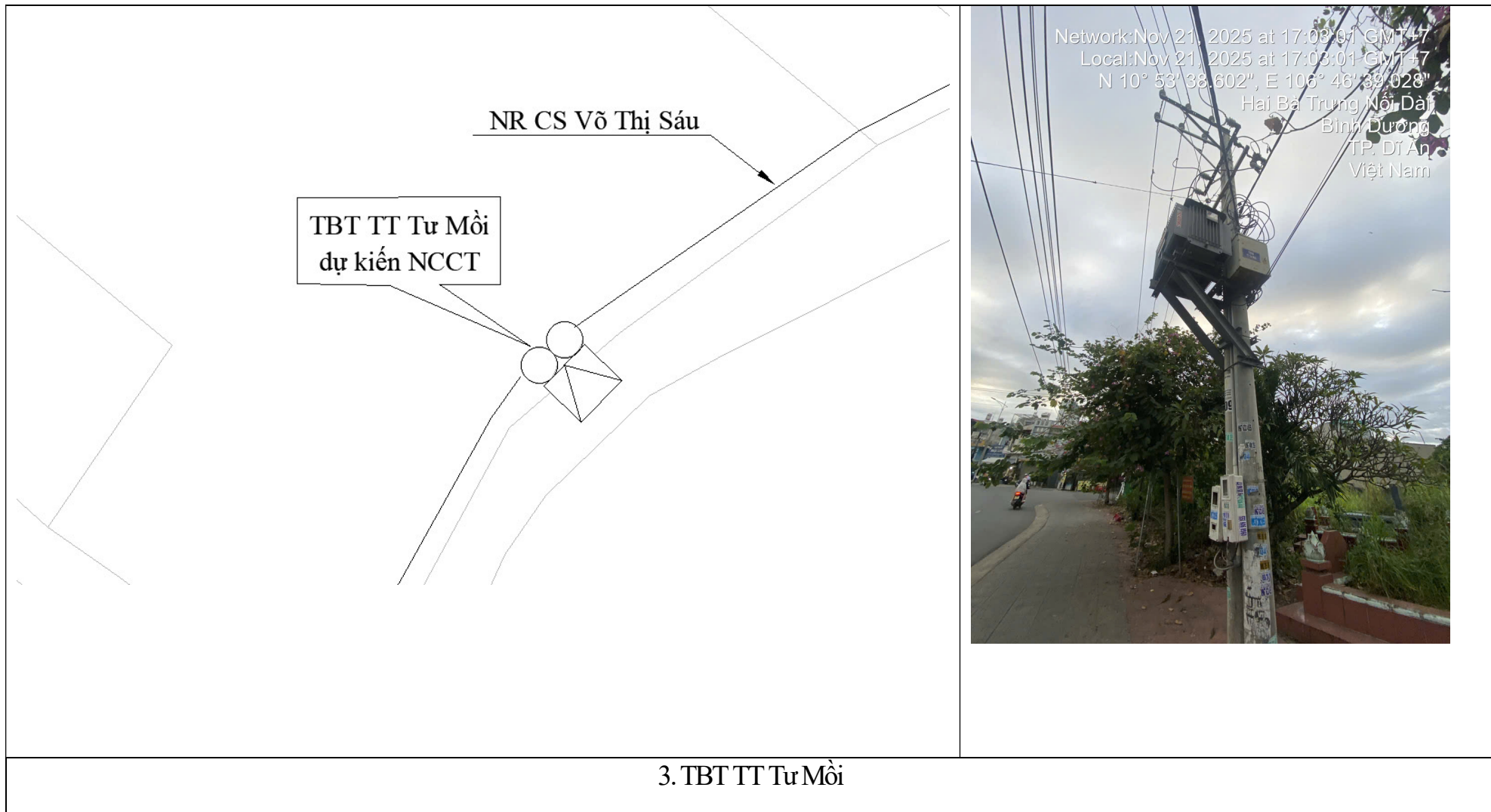
Stt	ID Trạm	Tên TBA	Hiện hữu			Sau TCCS			Ghi chú
			Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	Công suất (KVA)	Tải max tháng 12/2025	% phụ tải max	
1	040300192	Cây Liễu	400	549	95	560	549	68	
2	040302861	Lê Văn Khanh 2	400	555	96	560	555	68	
3	040200105	TT Tư Môi	400	566	98	560	566	70	
4	040200223	Cây Lơn 3	400	538	93	560	538	66	
5	040201614	Xóm Nhang	400	543	94	560	543	67	
6	040303101	Bình Phước 2	320	402	87	400	402	69	
7	040303345	Chợ Nhỏ Bình Hòa	320	444	96	400	444	77	
8	040301278	KDC TM Bình Chuẩn	320	420	91	400	420	72	
9	040201495	Trung Bửu Tự	320	439	95	400	439	76	
10	040202241	Bình Đường 3C	320	448	97	400	448	77	
11	040200104	Đình Đông Yên 2	320	430	93	400	430	74	
12	040202610	Cây Gõ 4	320	430	93	400	430	74	
13	040300111	Bình Chuẩn 1A	320	425	92	400	425	73	
14	040302977	Cầu Xe Lửa 3	320	416	90	400	416	72	
15	040300251	Chợ Hưng Định	320	416	90	400	416	72	
16	040201240	Ngã 3 Cây Thị	250	341	94	400	341	59	SDL máy 400kVA
17	040201780	Miếu Cây Da	250	344	95	400	344	59	SDL máy 400kVA
18	040201361	Siu Siu	250	348	96	320	348	75	SDL máy 320kVA
19	040300112	Bình Chuẩn 1B	160	225	97	320	225	49	SDL máy 320kVA
20	040303815	Cây Me Sân Golf 2	160	227	98	320	227	49	SDL máy 320kVA
21	040303239	KDC Thuận Giao 16	160	230	99	320	230	50	SDL máy 320kVA
22	040200189	Bình Đường 5B	160	223	96	320	223	48	SDL máy 320kVA
23	040201670	Nhà Thờ Nội Hóa	160	218	94	320	218	47	SDL máy 320kVA
24	040202565	Cầu Sáu Trụ 2	160	227	98	320	227	49	SDL máy 320kVA
25	040300092	Bê Tông Thuận An	160	216	93	320	216	47	SDL máy 320kVA
26	040300188	Cầu Tân Phú 2	160	220	95	320	220	48	SDL máy 320kVA
27	040303355	Chợ Búng 3	160	218	94	320	218	47	SDL máy 320kVA

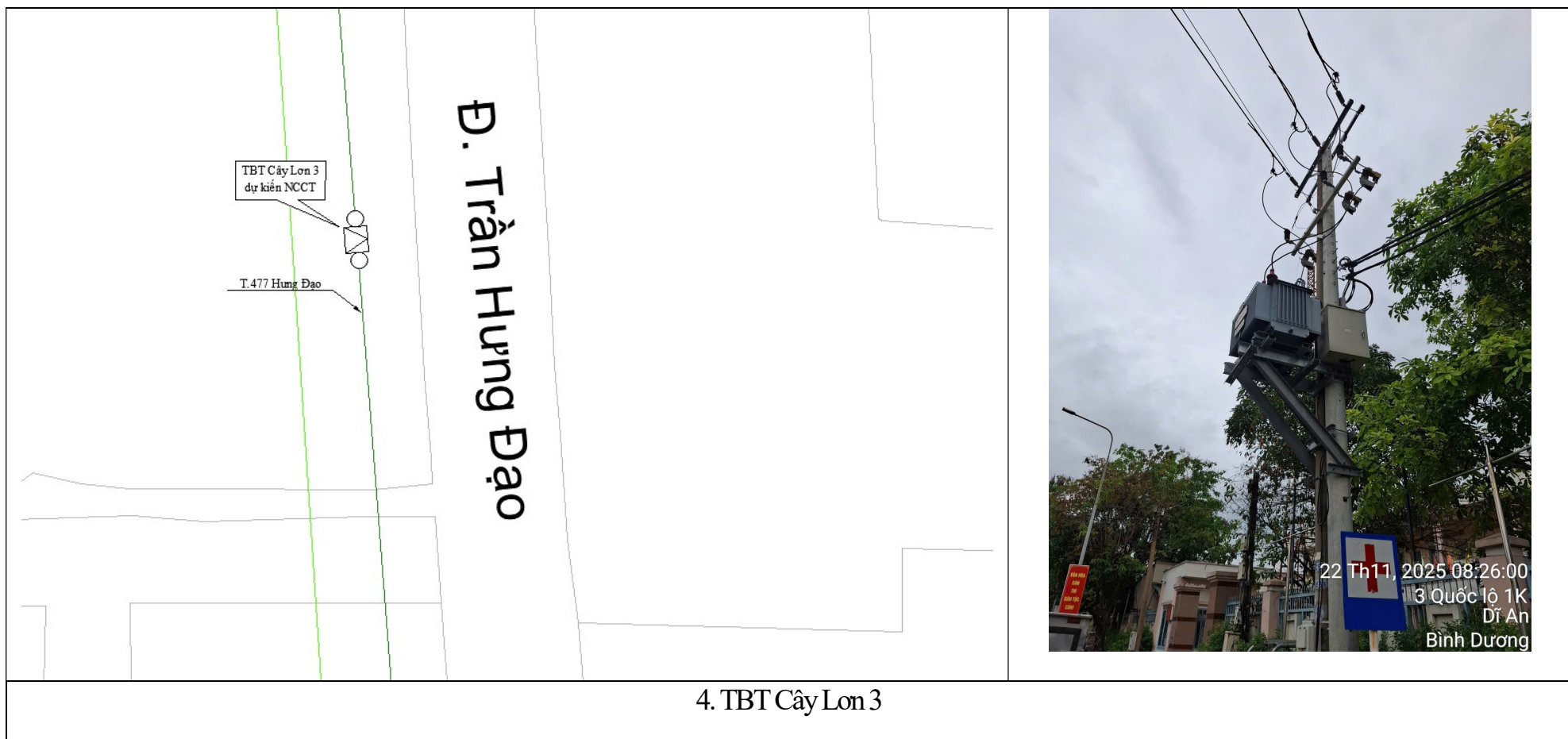
Phụ lục 4: Hình ảnh và bản vẽ mặt bằng các trạm hiện hữu

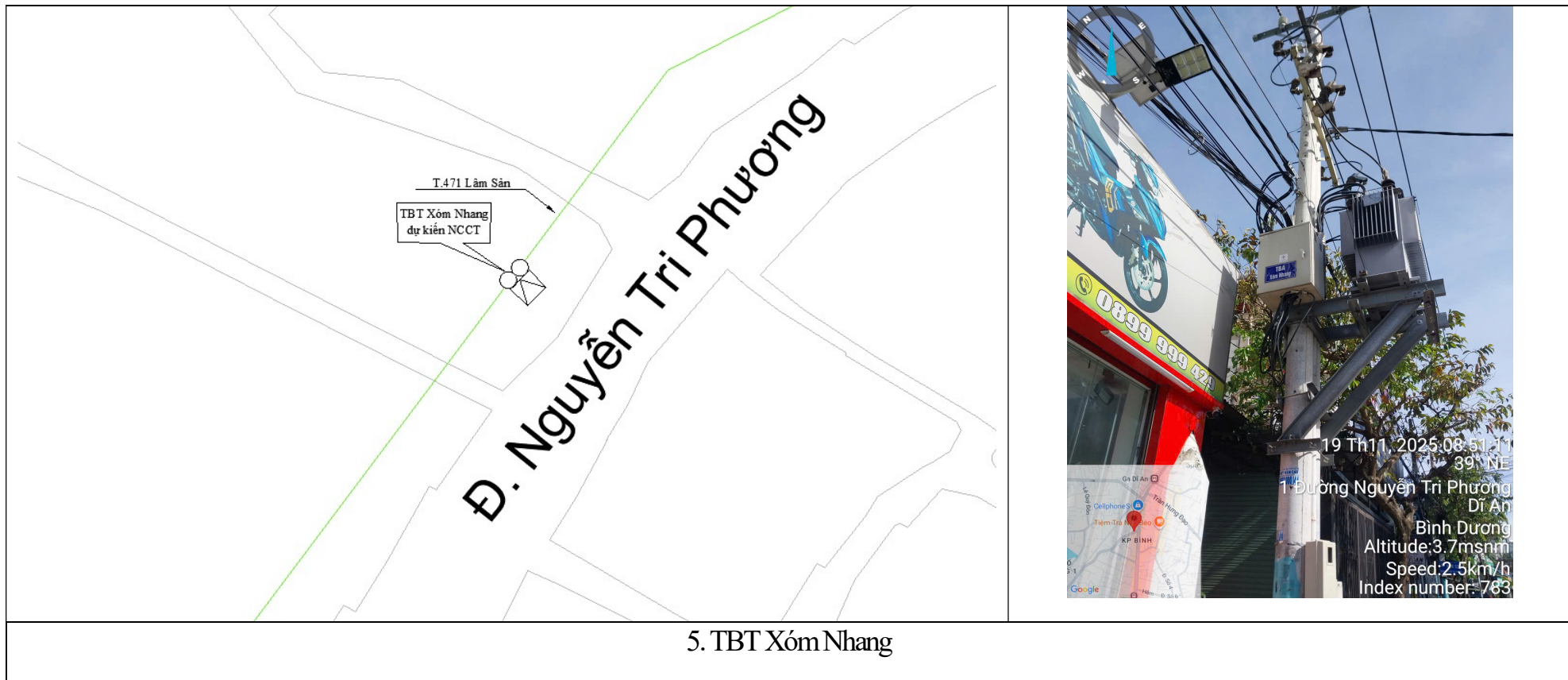


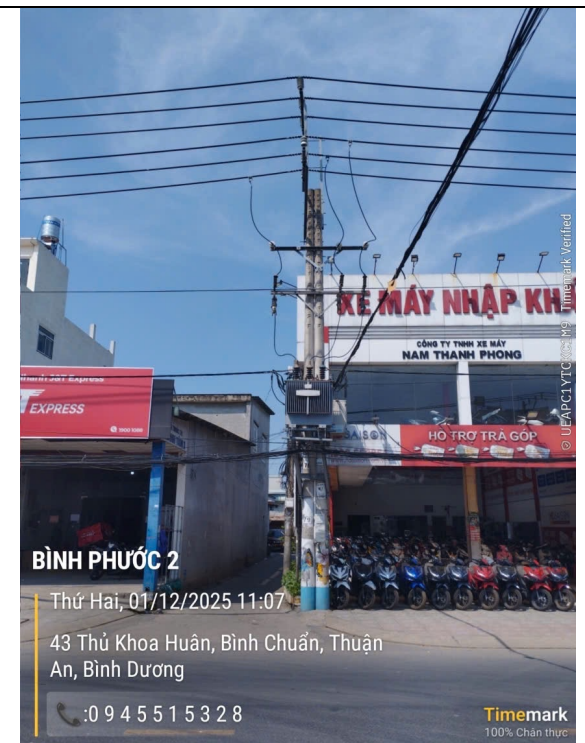
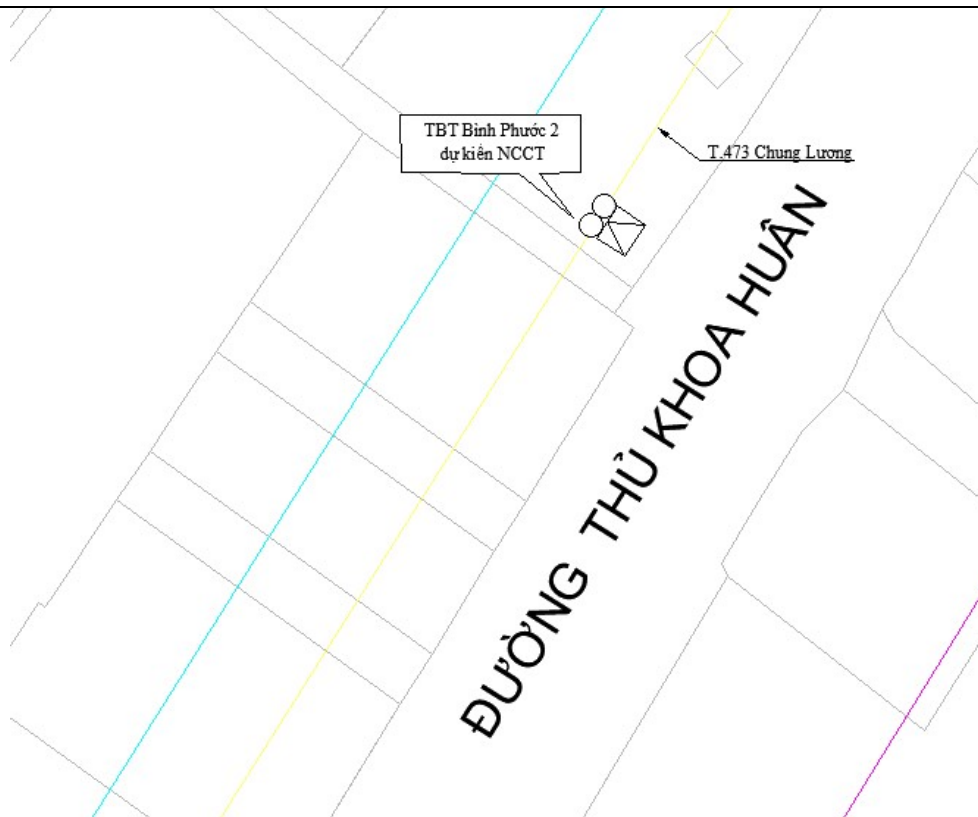


2. TBT Lê Văn Khanh 2





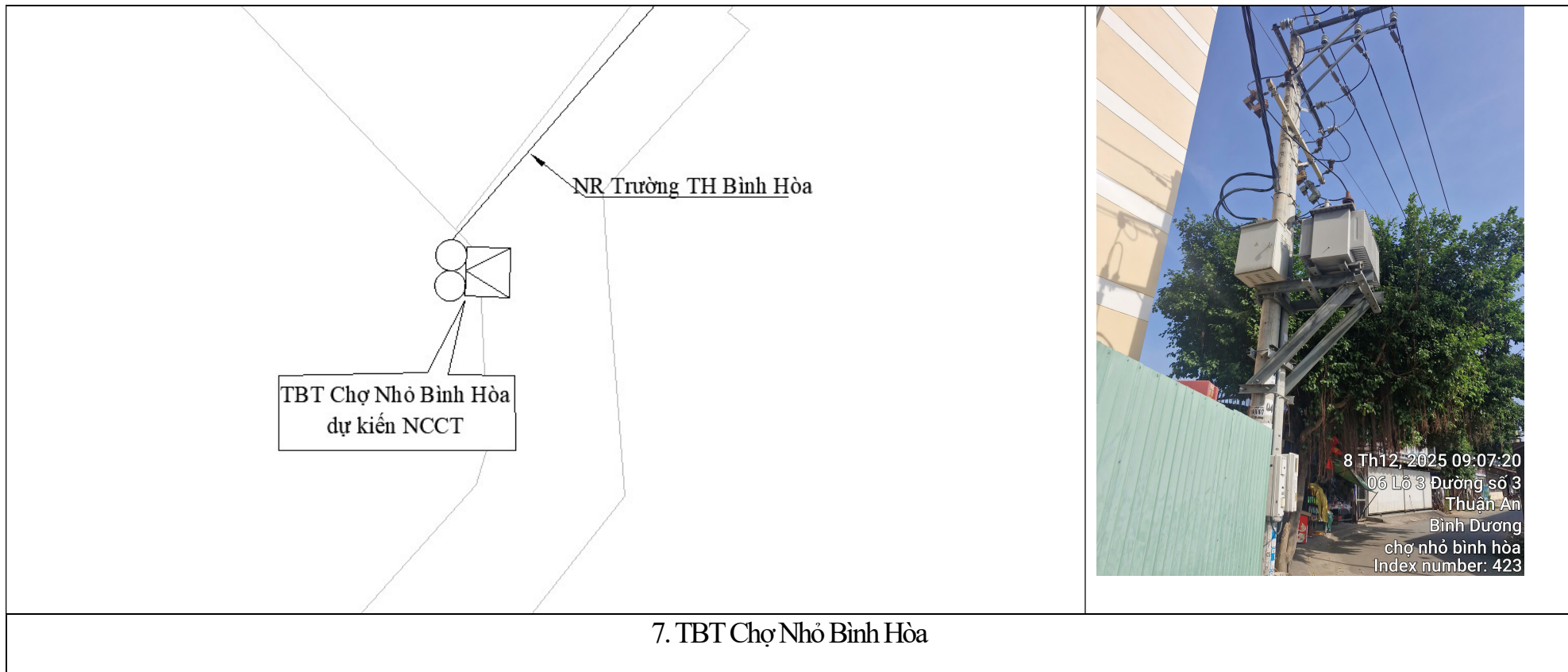


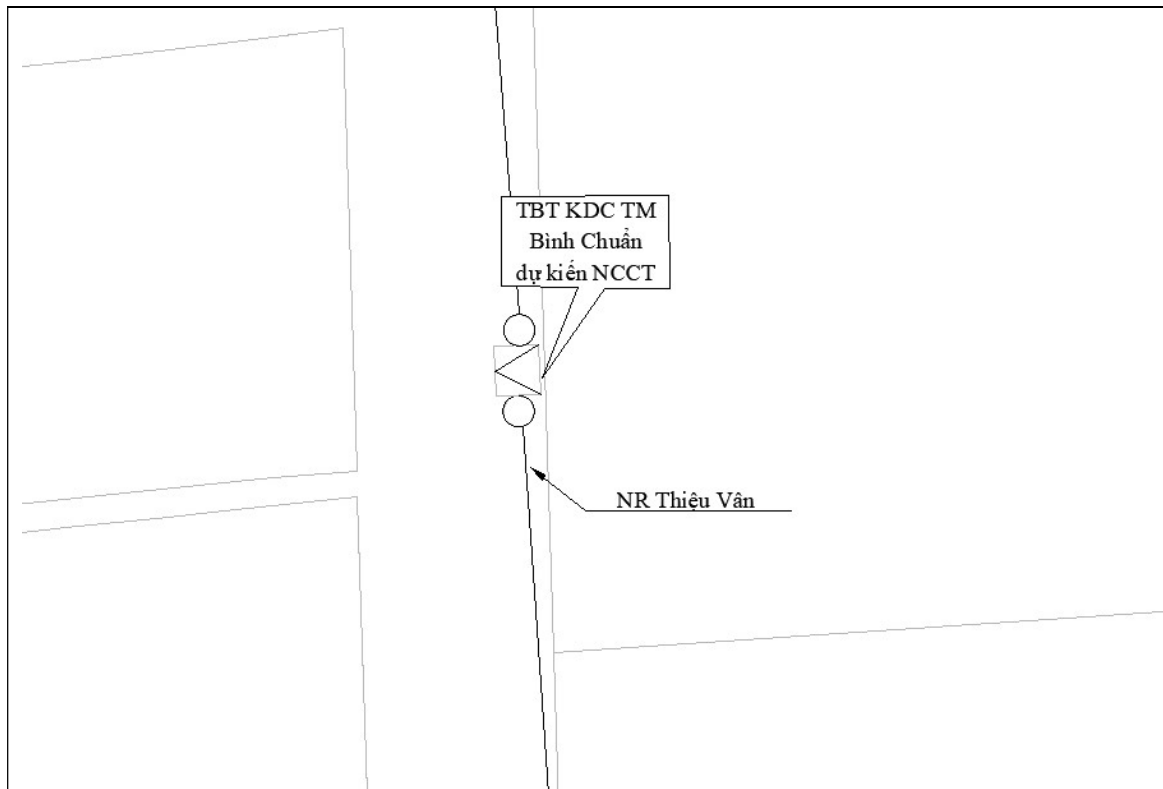


Tên
Cho thuê

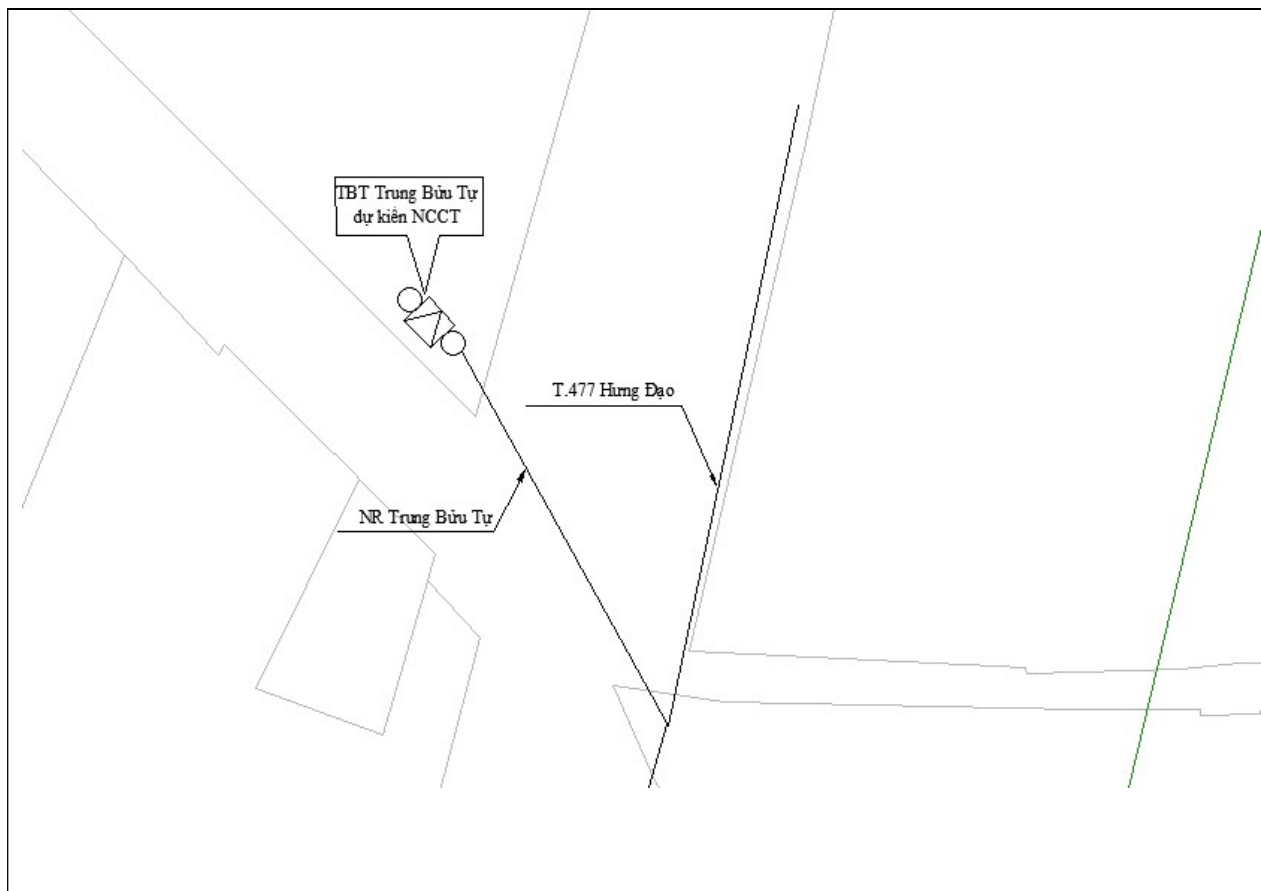
+ LOGO

6. TBT Bình Phước 2

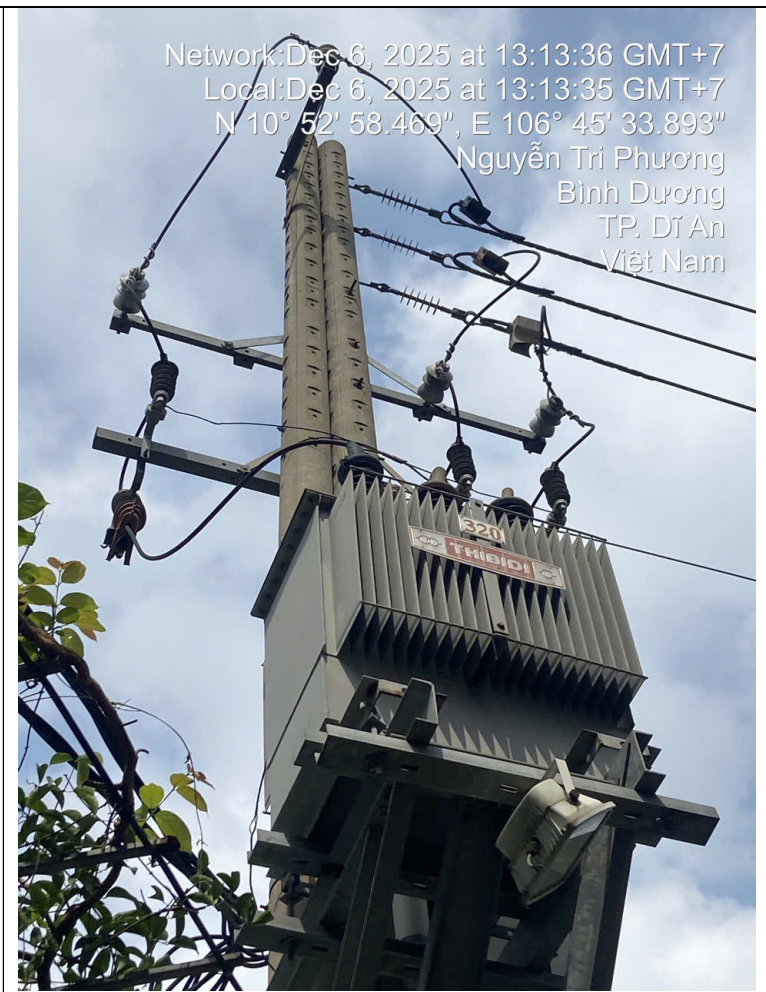
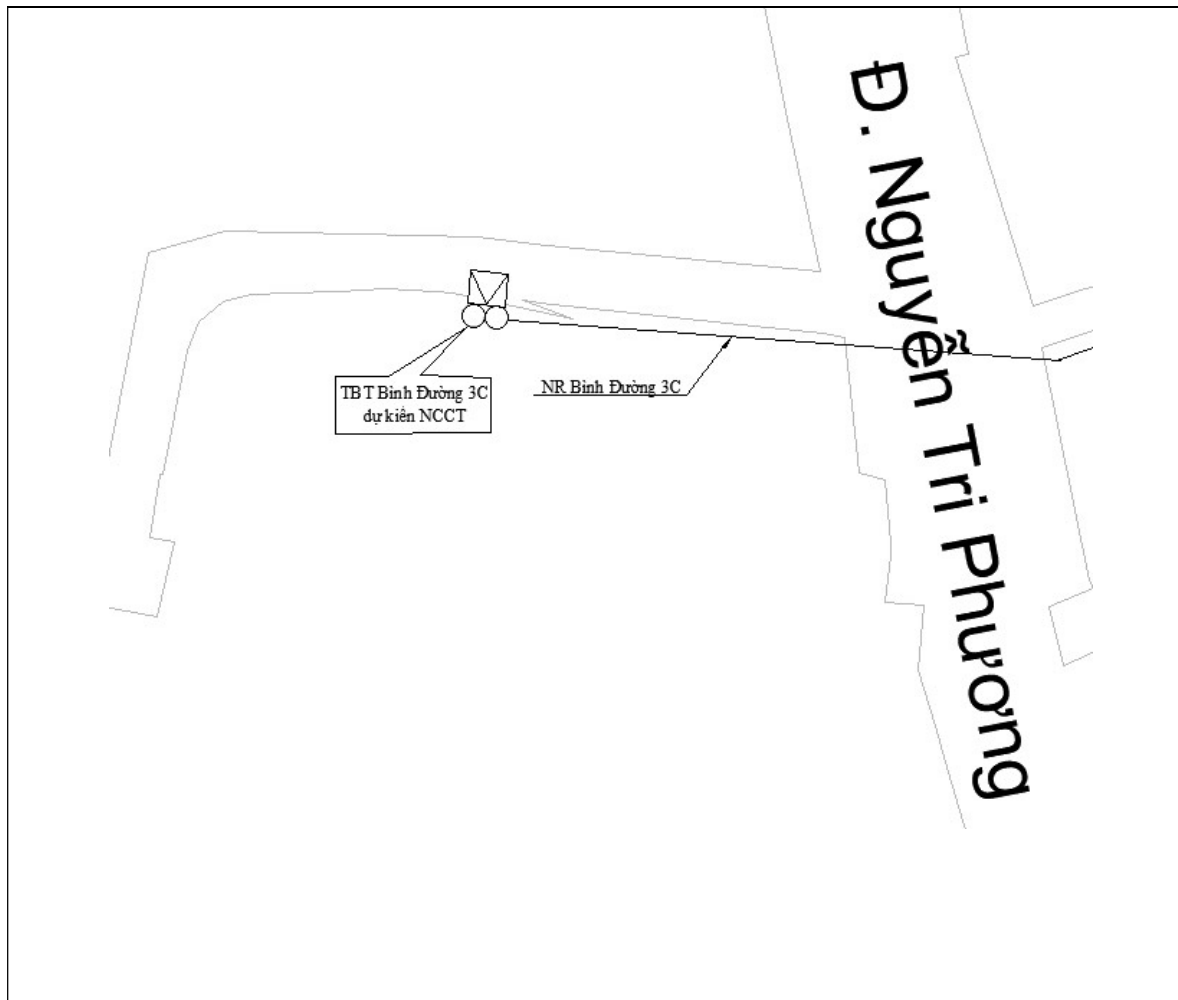




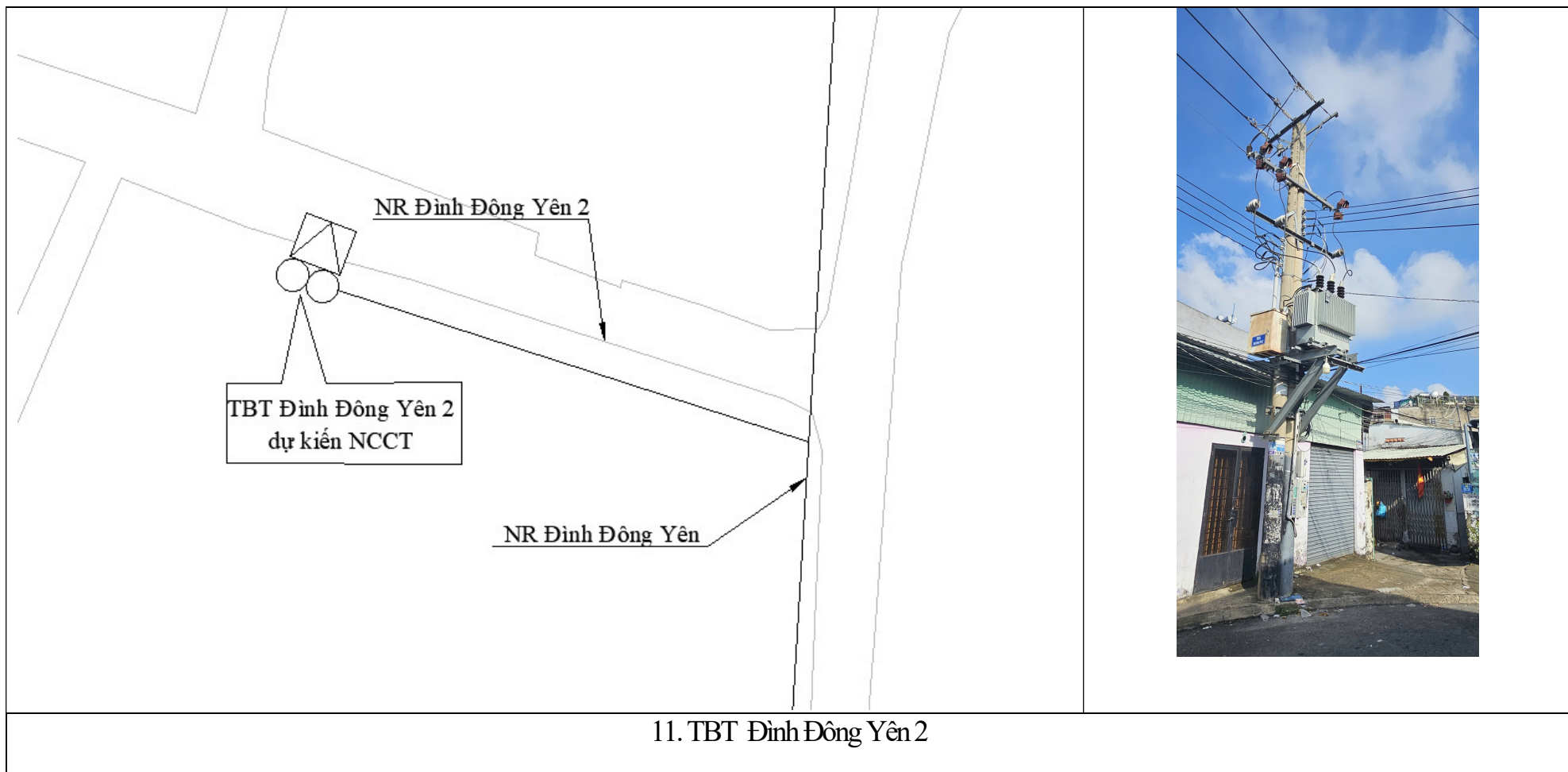
8. TBT KDC TM Bình Chuẩn²

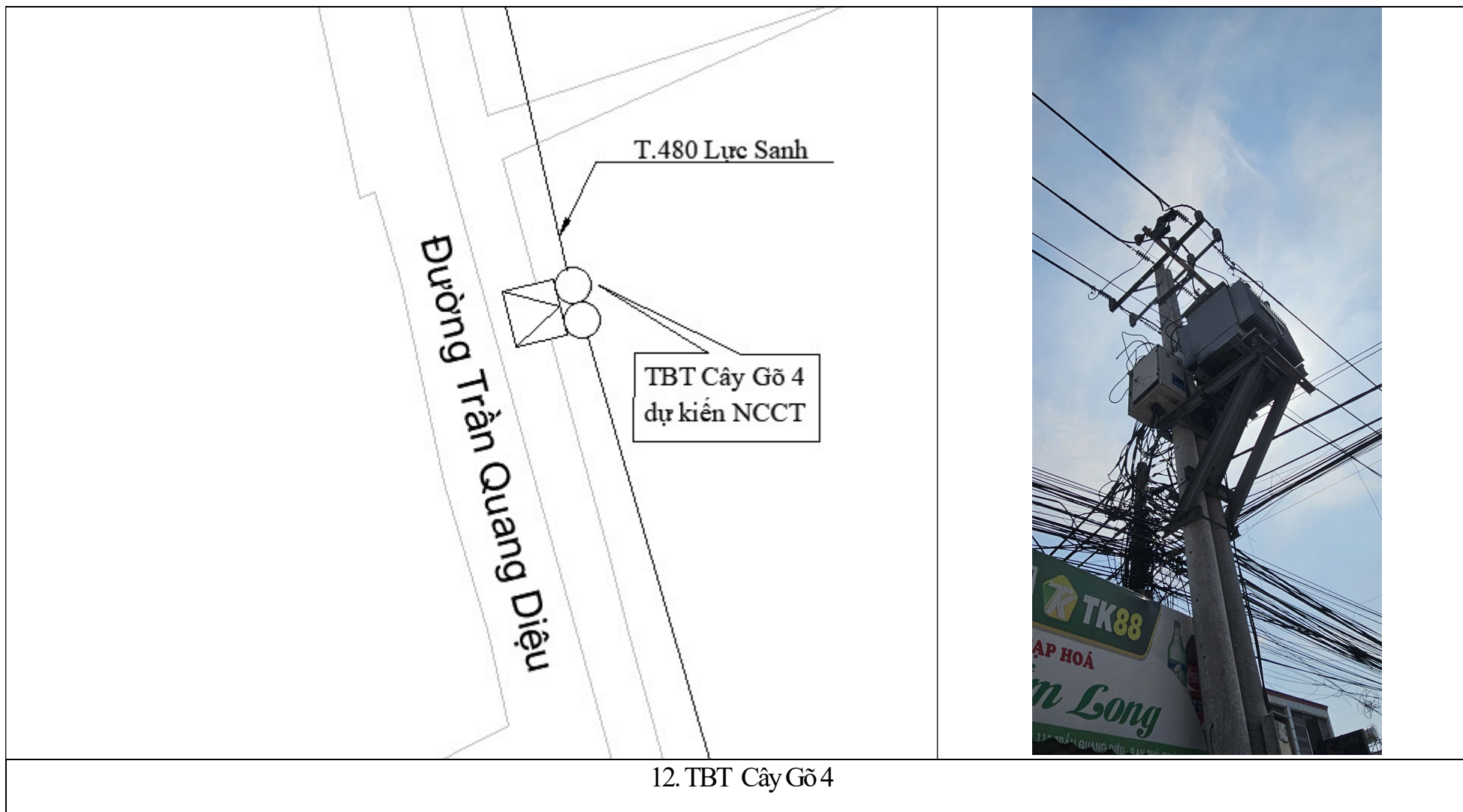


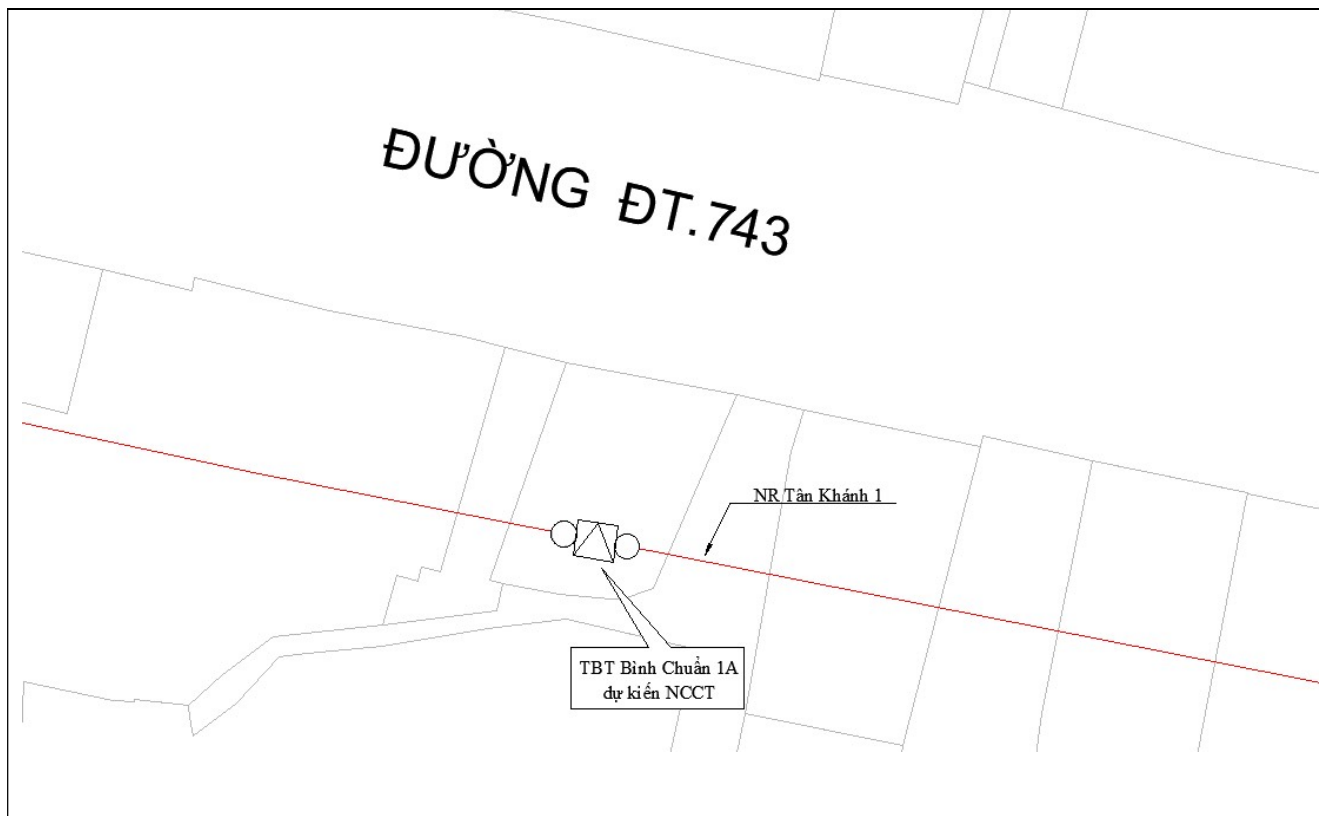
9. TBT Trung Bưu Tự



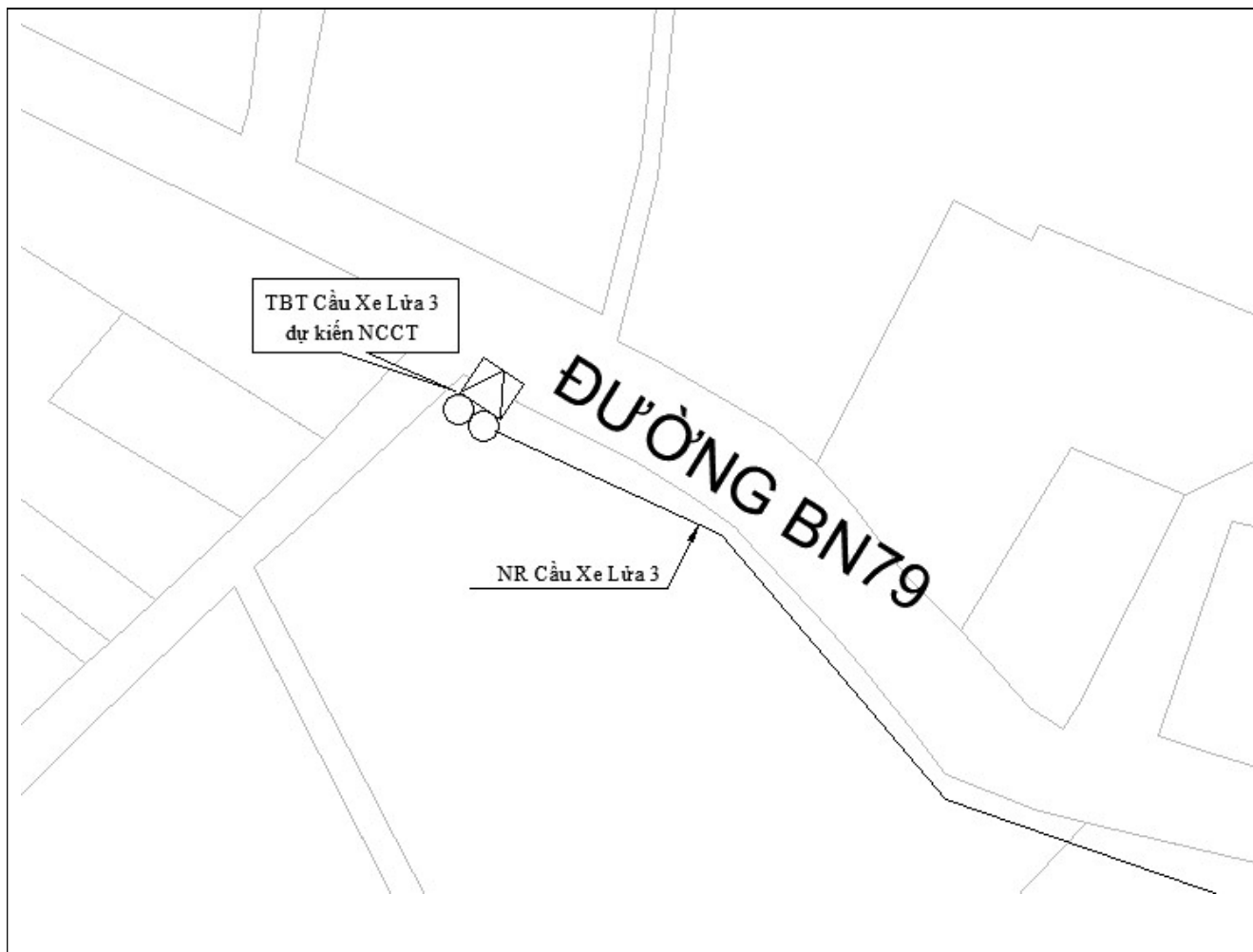
10. TBT Bình Đường 3C





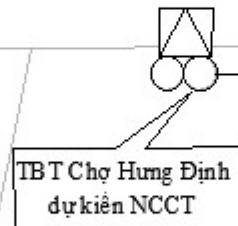


13. TBT Bình Chuẩn 1A



14. TBT Cầu Xe Lửa 3

ĐƯỜNG CHÒM SAO



NR Chợ Hưng Định



15. TBT Chợ Hưng Định